

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2017/HSST.

Ngày: 19-7-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Chiến.

Các Hội thẩm nhân nhân:

1. Ông Lường Văn Linh

2. Ông Lường Văn Pọm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Lầu A Thống – Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 19 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu mở phiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 129/2017/HSST ngày 26 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo:

Quàng Văn T; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1988 tại xã C, huyện T, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: bản L, xã C, huyện T, tỉnh Sơn La; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: nguyên làm nghề trồng trọt; con ông: Quàng Văn T, sinh năm 1959 và bà Quàng Thị H, sinh năm 1959; vợ là Lò Thị T, sinh năm 1989 (nay đã ly hôn) và 02 con, lớn 7 tuổi, nhỏ 6 tuổi; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La từ ngày 16/3/2017 đến nay, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 15/3/2017, Quàng Văn T bắt xe taxi của Nguyễn Văn Đ từ thành phố S lên xã T, huyện T, tỉnh Sơn La để tìm mua ma túy sử dụng. Trên đường đi T gọi điện thoại cho một người đàn bà tên là Q nhà ở bản T, xã T, huyện T và hỏi mua của Q 250.000đ (hai trăm năm mươi nghìn đồng) Heroin, Q đồng ý và bảo T đến nhà Q để mua bán Heroin. Khi T đến bản N, xã T, T bảo người lái taxi dừng lại rồi T xuống xe đi bộ vào nhà Q. Khi đi đến cửa nhà Q, T gọi Q ra đưa qua khe cửa nhà Q và đưa cho Q số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) để

mua Heroin và xin Q cho T nợ 50.000đ (*năm mươi nghìn đồng*). Q đồng ý và cầm tiền T đưa rồi đưa qua khe cửa nhà Q cho T 01(một) gói heroin gói bằng ni lon màu hồng. Sau khi mua được heroin, T cầm gói heroin trên tay phải rồi đi bộ ra chỗ người đỡ taxi thì gặp tổ công tác Công an huyện Thuận Châu yêu cầu kiểm tra. Do sợ bị bắt nên T đã thả gói heroin đang cầm xuống đường nhưng tổ công tác kịp thời phát hiện, lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang. (BL 42 - 45).

Vật chứng thu giữ gồm: 01 (một) gói ni lon màu hồng bên trong có chứa một bột cục màu trắng nghi là heroin; 01(một) điện thoại di động, nhãn hiệu GIONEE, màu vàng, số: IMEI: 865552025823968, điện thoại đã qua sử dụng. (BL 01 và 02).

Hồi 08 giờ 45 phút, cùng ngày; tại Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La đã tiến hành bóc mở niêm phong, cân tịnh số bột màu trắng thu giữ được của Quàng Văn T có trọng lượng 0,31gam (*không phẩy ba mươi một gam*), rút 0,05 gam ký hiệu T1 làm mẫu gửi giám định chất ma túy, còn lại có trọng lượng 0,26 gam ký hiệu T2 đã niêm phong nhập kho vật chứng.(BL: 18).

Tại kết luận giám định số: 349/KLMT ngày 20/03/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: “ *Mẫu gửi giám định ký hiệu T1 là chất ma túy; loại chất Heroin*”. Trọng lượng của mẫu gửi giám định là 0,05 gam; tổng trọng lượng của chất ma túy thu giữ được của là 0,31gam loại chất Heroin. (BL: 27).

Tại phiên tòa, lời khai, lời trình bày ý kiến của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án như: biên bản hỏi cung bị can; biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản thu giữ, niêm phong, mở niêm phong vật chứng của vụ án để lấy mẫu giám định; kết luận giám định.

Bản cáo trạng số 92/KSĐT ngày 26/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đề nghị truy tố bị can Quàng Văn T về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu giữ quyền công tố luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với Quàng Văn T về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Quàng Văn T phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1,2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội Việt Nam; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo. Đề nghị xử phạt bị cáo Quàng Văn T mức án từ 12 tháng đến 18 tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 16/3/2017 (là ngày bắt giữ bị cáo).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền được quy định tại khoản 5 Điều 194 BLHS.

Áp dụng Điều 41, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

Tịch thu tiêu hủy 0,26 gam (*không phẩy hai mươi sáu gam*) chất bột hê rô in ký hiệu T2.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01(một) điện thoại di động, nhãn hiệu GIONEE, màu vàng, số: IMEI: 865552025823968, điện thoại đã qua sử dụng.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo Quàng Văn T: Nhất trí với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đề nghị truy tố, xét xử bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Nay bị cáo đã thực sự nhận ra lỗi lầm, bị cáo rất ân hận, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo xin miễn hình phạt bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thuận Châu Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét hành vi tàng trữ trái phép 0,31 gam hê rô in của bị cáo Quàng Văn T nhằm mục đích sử dụng cho bản thân là vi phạm pháp luật. Bởi, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận thức được hành vi mua, tàng trữ trái phép chất ma túy là hành vi nguy hiểm cho xã hội, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự 1999 như quan điểm truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu.

Tại Điều 194 BLHS 1999 quy định:

“ 1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm ”.

Tuy Bộ luật hình sự năm 2015 chưa có hiệu lực pháp luật nhưng mức hình phạt đối với tội Tàng trữ trái phép ma túy thấp hơn, có lợi hơn cho bị cáo so với Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại Điều 249 BLHS 2015 quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

.....

c) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

.....

5. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản."*

Theo Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội Việt Nam; Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS 2015 đối với bị cáo Quảng Văn T để xét xử theo hướng có lợi cho bị cáo, tạo cơ hội cho bị cáo sớm về với gia đình và xã hội.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội bởi hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy và là nguyên nhân làm gia tăng những tệ nạn xã hội và tội phạm hình sự, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội và an ninh quốc gia. Do đó cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS 2015 có mức hình phạt từ 01 đến 05 năm đối với bị cáo Quảng Văn T.

Xét nhân thân bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ tác hại của ma túy nhưng vẫn phạm tội nên cần có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật trong việc đấu tranh với tệ nạn ma túy. Cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo để trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo tàng trữ lượng ma túy không lớn, mục đích chỉ để sử dụng cho bản thân; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo có ông ngoại là ông Lò Văn M được tặng thưởng huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng ba, được UBND tỉnh Sơn La tặng bằng khen đã có thành tích tham gia trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự 1999

Đối với hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 5 Điều 194 BLHS. Xét thấy bị cáo không có khả năng thi hành nên Hội đồng xét xử miễn áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo .

Vật chứng vụ án:

- Đối với 0,26 gam (không phải hai mươi sáu gam) chất bột hê rô in ký hiệu T2 là vật Nhà nước cấm lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01(một) điện thoại di động, nhãn hiệu GIONEE, màu vàng, số: IMEI: 865552025823968, điện thoại đã qua sử dụng là công cụ phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với người đàn bà tên là Q ở bản N, xã T, huyện T, tỉnh Sơn La là người mà T khai đã bán cho T 01(một) gói Heroin gói bằng ni lon màu hồng với giá 250.000đ (hai trăm năm mươi nghìn đồng) vào ngày 15/3/2017. Cơ quan điều tra, xác minh tại bản N, xã T, huyện T có một đàn bà tên là Lò Thị Q, sinh năm 1975

nhưng hiện nay Q không có mặt tại địa phương, gia đình và chính quyền địa phương không biết ở đâu. Do vậy Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý đối với Lò Thị Q trong vụ án này, cần chấp nhận.

Đối với Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1985, trú tại tổ X, phường Q, thành Phố S, tỉnh Sơn La là người lái Taxi chở Quàng Văn T từ thành phố S lên bản N, xã T, huyện T, Sơn La vào ngày 15/3/2017. Qua điều tra xác định Nguyễn Văn Đ không liên quan đến vụ án, không biết việc T đi mua và tàng trữ ma túy. Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý đối với Nguyễn Văn Đ là đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

Bị cáo đang bị tạm giam, cần tiếp tục giam giữ bị cáo trong hạn 45 ngày, kể từ ngày tuyên án theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về án phí, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo nên Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 231 BLHS năm 1999, bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Quàng Văn T phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội Việt Nam; Khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 xử phạt bị cáo Quàng Văn T 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 16/3/2017 (là ngày bắt giữ bị cáo).

3. Xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

Tịch thu tiêu hủy 0,26 gam (không phẩy hai mươi sáu gam) chất bột hê rô in ký hiệu T2.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01(một) điện thoại di động, nhãn hiệu GIONEE, màu vàng, số: IMEI: 865552025823968, điện thoại đã qua sử dụng

4. Án phí:

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Quàng Văn T.

5. Quyền kháng cáo.

Áp dụng Điều 231, 234 BLTTHS năm 1999, bị cáo Quàng Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND (02 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La
- CA huyện Thuận Châu;
- Chi cục THADS huyện Thuận Châu;
- UBND xã C, huyện T;
- Bị cáo;
- Lưu án văn;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lê Thị Chiến

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN CHÂU
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thuận Châu, ngày 19 tháng 7 năm 2017

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

3. Ông Lường Văn Linh

4. Ông Lường Văn Pọm

Căn cứ vào Điều 199 và Điều 222 Bộ luật tố tụng hình sự

Vào hồi...giờ...ngày 19 tháng 7 năm 2017 tại phòng nghị án. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án Quảng Văn Trường phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Quảng Văn Trường phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí, đạt 100%.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội Việt Nam; Khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 xử phạt bị cáo Quảng Văn Trường 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 16/3/2017 (là ngày bắt giữ bị cáo).

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí, đạt 100%.

3. Xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

Tịch thu tiêu hủy 0,26 gam (không phải hai mươi sáu gam) chất bột kê rô in ký hiệu T2.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01(một) điện thoại di động, nhãn hiệu GIONEE, màu vàng, số: IMEI: 865552025823968, điện thoại đã qua sử dụng

4. Án phí:

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

5. Quyền kháng cáo

Áp dụng Điều 231, 234 BLHS năm 1999, bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí, đạt 100%.

Biên bản kết thúc hội giờ....phút cùng ngày. Hội đồng xét xử đã thông qua biên bản nhất trí và cùng ký tên.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa